TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-PT
Ngày 31-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Khánh
Bà Nguyễn Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30, 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Bùi Thanh T2 và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T, Dương Văn C và Hoàng Hải P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2018/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố T3, tỉnh Tuyên Quang.

* ***Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Bùi Thanh T2, sinh ngày 03/9/1984, tại Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Kinh D; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T4, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1960; có vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 26/12/2016, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

2. Bùi Thanh T, sinh ngày 29/8/1980, tại Tuyên Quang.

ĐKHKTT: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Kinh D; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T4, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1960; có vợ: Trịnh Thị T5, sinh năm 1989 và 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/6/2011, bị Hạt kiểm lâm Huyện H1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 23/12/2016, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

3. Dương Văn C, sinh ngày 30/6/1992, tại Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn V, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị M, sinh năm 1969; có vợ: Ma Thị D, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 26/12/2016 đến ngày 23/8/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

4. Hoàng Hải P, sinh ngày 18/5/1962, tại Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Ph, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Công chức kiểm lâm; Trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Khắc Đ và bà Ma Thị V (đều đã chết); có vợ: Ma Thị Bảy, sinh năm 1964 và 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1994.; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã đình chỉ sinh hoạt đảng; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/3/2017, bị Chi cục kiểm lâm T3 ra Quyết định số 71/QĐ - CCKL kỷ luật hình thức Khiển trách về việc: Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng (Trong ca trực từ 8h ngày 26/11/2016 đến 8h ngày 27/11/2016 tại Trạm kiểm lâm T10).

Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 23/8/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

**** Người bào chữa cho các bị cáo:***

1. Ông Đàm Quốc C1 – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Q thuộc đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang *(Bào chữa cho các bị cáo Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2, Dương Văn C và Hoàng Hải P, do các bị cáo nhờ)*. (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Hải Y – Luật sư Công ty luật TNHH MTV V thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội *(Bào chữa cho bị cáo Phòng, do bị cáo nhờ)*. (Có mặt).

**** Người làm chứng:***

1. Ông Bùi Thanh T6, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức T7. Nghề nghiệp: Cán bộ Công an; Nơi công tác: Công an huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

3. Ông Hà Văn L, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

4. Ông Bùi Hữu D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

5. Ông Ma Phúc T8, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

6. Ông Ma Duy N, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Thôn N3, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

7. Ông Nguyễn Văn T9, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

8. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1960. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

9. Ông Bùi Thanh T4, sinh năm: 1952. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

10. Ông Trần Lê V, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Tập thể trường THCS P, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

11. Bùi Duy M, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

12. Quan Văn N2, sinh 1992. Trú tại: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2016, Lê Quang Đ, sinh năm 1982 (trú tại thôn 7, xã Đ Đ1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) gọi điện thoại cho Bùi Thanh T2 - Giám đốc D nghiệp tư nhân S (DNTN S), địa chỉ tại Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, đặt mua: Thớt, trụ cầu thang, khuỷu cầu thang, tay vịn cầu thang, khuôn cửa, vai giường là gỗ nghiến. T1 đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 18/12/2016, anh trai của T1 là Bùi Thanh T, đến trụ sở D nghiệp tư nhân S, T1 nói cho T2 biết việc Đ đặt mua gỗ nghiến và bảo T2 chuẩn bị phương tiện vận chuyển và bốc gỗ nghiến ở kho của DNTN S lên các xe ô tô để đem về huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho Đ. T2 đồng ý rồi điều khiển xe ô tô biển số 34C - 064.03 đến kho của DNTN S (ở chân đập Đ3) để bốc gỗ.

Khoảng 07 giờ 30 phút, T2 gọi Hà Văn L và Bùi Hữu D là công nhân của D nghiệp đi theo T2 mỗi người một xe mô tô đến kho xưởng của DNTN S ở chân đập Đ3 để bốc gỗ lên thùng xe ô tô biển số 34C- 064.03 đã đứng chờ sẵn ở đó. L và D bốc 122 đoạn gỗ nghiến nhóm IIA, và 113 thanh gỗ nghiến nhóm IIA lên thùng xe, D là người kiểm đếm, còn L là người ghi chép số liệu gỗ vào một tờ giấy để nộp cho T2 biết; D và L bốc gỗ lên xe đến 11 giờ cùng ngày thì xong. Sau đó T2 tiếp tục điều khiển xe ô tô biển số 89C - 079.22 đến kho xưởng DNTN S, cạnh chân đập Đ3 để ở đó và điều khiển xe ô tô biển số 34C - 064.03 đi về trụ sở làm việc DNTN S. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L và D tiếp tục đến kho xưởng để bốc gỗ lên xe ô tô biển kiểm soát 89C-07922 đỗ chờ sẵn ở đó; L và D tiếp tục bốc khoảng 150 thanh gỗ nghiến xẻ lên xe ô tô, L ghi chép số liệu gỗ vào một tờ giấy để lại trong tủ tại xưởng, hai người bốc gỗ đến khoảng 17 giờ thì xong. Sau đó, T2 sang nhà L thanh toán tiền công cho cả hai người là 400.000đ, hôm sau L đưa tiền cho D số tiền công là 200.000đ. Trong thời gian chờ bốc gỗ lên xe, khoảng 11 giờ cùng ngày, T1 gọi điện thoại cho Bùi Thanh T6 (Em trai T1) nhờ T6 chở gỗ về bán cho Lê Quang Đ, T6 đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T1 điện thoại bảo Dương Văn

C, là lái xe của D nghiệp chở gỗ về bán cho Lê Quang Đ, C đồng ý. Khoảng 17h, C đến trụ sở DNTN S gặp bà Phạm Thị N (là mẹ đẻ của T2 và T1), tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng để lo chi phí dọc đường. Sau đó C điều khiển xe ô tô biển số 34C- 064.03 đón Quan Văn N2 đi chơi cùng. Sau khi C đi khoảng 15 phút, thì T6 điều khiển xe ô tô biển số 89C - 079.22 đón Bùi Duy M đi cùng theo sau xe của C. Trên đường đi, T6 gọi điện thoại cho C bảo lo chi phí dọc đường cho xe của T6, C đồng ý.

Khoảng 18 giờ cùng ngày 18/12/2016, khi C và T6 điều khiển 02 xe ô tô đi đến Trạm kiểm lâm T10 (Có Chốt bảo vệ rừng N, đặt sào chắn Barie) để kiểm tra, kiểm soát lâm sản thì gặp Nguyễn Đức T7 - cán bộ Đội Cảnh sát giao thông trật tự cơ động - Công an huyện C và Hoàng Hải P - Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm C đang trực ca tại chốt N. Lúc này, T7 đang đứng giữ sào chắn Barie, còn Phòng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát lâm sản đối với 02 xe ô tô do C và T6 điều khiển. Phòng soi đèn pin nhìn qua 02 xe, không tiến hành đo, đếm, kiểm tra thực tế số lâm sản trên xe và không kiểm tra giấy tờ nguồn gốc gỗ, rồi Phòng bảo T7 nhấc sào chắn Barie cho 02 xe ô tô đi qua Chốt bảo vệ. C và T6 tiếp tục điều khiển xe ô tô về thị trấn C ra T9 quốc lộ ĐT 185 theo hướng đi từ C về Thành phố T3.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày 18/12/2016, khi C và T6 điều khiển 02 xe ô tô chở gỗ đi đến khu vực Đ5 (thuộc tổ K, phường N4, Thành phố T3) thì bị tổ công tác Công an Thành phố T3 phát hiện, bắt giữ xe ô tô cùng toàn bộ tang vật gỗ nghiến nhóm IIA có trên 02 xe, gồm: 267 thanh gỗ nghiến xẻ, có chiều dài từ 0,15m đến 2,15m; 122 đoạn gỗ tròn (dạng thớt) có đường kính từ 0,33m đến 0,46m. Tổng khối lượng tính quy tròn là 11,775 m^3.

Sau khi bị tổ công tác Công an Thành phố T3 phát hiện, bắt giữ 02 xe ô tô chở gỗ, T6 liền gọi điện thoại báo cho T2 biết, T2 gặp T1 và bảo T1 lấy danh nghĩa DNTN S để viết hóa đơn cùng bảng kê lâm sản hợp lý hóa số gỗ nghiến vận chuyển trên 02 xe ô tô; hóa đơn và bảng kê do T1 ký tên và đóng dấu chức danh Giám đốc DNTN S, T1 phô tô thêm 02 bộ, T1 để lại 01 bộ tại trụ sở DNTN S và 01 bộ mang đến Chốt bảo vệ lâm sản N để đưa cho Hoàng Hải P.

Khoảng 21 giờ, T1 gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn T9 lái xe ô tô đưa T1 đi về Thành phố T3. T9 đồng ý lái xe đưa T1 đi, khi đến Trạm kiểm lâm T10, T9 dừng xe cách Chốt kiểm tra khoảng 50 mét. T1 xuống xe đi vào Chốt đưa cho Phòng 01 bộ hồ sơ để Phòng ghi số lượng gỗ vào sổ theo dõi vận chuyển lâm sản của Chốt. Sau đó T9 tiếp tục lái xe ô tô đưa T1 về Thành phố T3 để giải quyết việc 02 xe ô tô chở gỗ bị bắt giữ.

Tại kết luận số 39 ngày 01/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Thành phố T3, kết luận: 267 thanh gỗ nghiến xẻ, có chiều dài từ 0,15m đến 2,15m, trị giá 112.305.000đ; 122 đoạn gỗ tròn (dạng thớt) có đường kính từ 0,33m đến 0,46m, trị giá 23.350.000đ. Tổng khối lượng tính quy tròn là 11,775 m^3 có tổng giá trị là 135.655.000 đồng.

Quá trình điều tra, lấy lời khai xác định được như sau: Từ năm 2011, lợi dụng danh nghĩa của D nghiệp tư nhân S; Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2 bắt đầu thu mua gỗ có giấy tờ hợp pháp qua thanh lý và gỗ không có giấy tờ hợp pháp của

nhiều người dân trên địa bàn xã P, huyện C với mục đích bán kiếm lời. Khoảng tháng 6/2014, T1, T2 bàn nhau chọn Dương Văn C, cùng tham gia việc vận chuyển gỗ mang đi bán. Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T thống nhất: T1 chịu trách nhiệm thu mua gỗ không có giấy tờ hợp pháp về cất giấu tại 02 kho của DNTN S và một số nơi khác và có trách nhiệm quản lý, hạch toán thu, chi việc mua bán gỗ (cả gỗ có nguồn gốc hợp pháp và gỗ không nguồn gốc hợp pháp), ghi số lượng gỗ xuất, nhập vào sổ theo dõi nhập xuất lâm sản, viết xuất hóa đơn theo yêu cầu của khách hàng, xuất hóa đơn trong trường hợp số gỗ không giấy tờ hợp pháp bị cơ quan chức năng phát hiện tạm giữ. T2 có trách nhiệm giao dịch mua gỗ hợp pháp có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp qua thanh lý và giao dịch với những người có nhu cầu mua gỗ để bán; đồng thời tìm cách quan hệ với lực lượng chức năng kiểm tra, kiểm soát lâm sản để đảm bảo việc vận chuyển, mua bán gỗ được trót lọt. Khoảng tháng 6/2014, T1, T2 bàn nhau chọn Dương Văn C trực tiếp vận chuyển hoặc đi theo xe ô tô áp tải gỗ (cả gỗ có nguồn gốc hợp pháp và gỗ không nguồn gốc hợp pháp) mang đi bán cho khách, lo chi phí trên đường đi (chi ăn uống, trực tiếp đưa tiền cho các lực lượng chức năng trên đường vận chuyển) và thu tiền bán gỗ về đưa cho T2, T1. Sau mỗi chuyến vận chuyển, C ghi lại chi phí vận chuyển và số tiền bán gỗ thu được vào một tờ giấy hoặc chụp ảnh lại rồi đưa lại tờ giấy và tiền cho T1.

Tại cơ quan điều tra Bùi Thanh T2 khai nhận: Từ năm 2011, lợi dụng danh nghĩa của DNTN S, bị cáo đã mua gom rất nhiều lần với nhiều loại gỗ không có giấy tờ hợp pháp của nhiều người dân quanh vùng (không nhớ thời gian), trong đó có: Ma Phúc T8, sinh năm 1982 (trú tại thôn P, xã P, huyện C, Tuyên Quang); Ma Phúc Đ1, sinh năm 1986 (trú tại thôn N3, xã P, huyện C); Ma Văn D1, sinh năm 1971 (trú tại thôn N4, xã P, huyện C); Lý Văn H2, sinh năm 1980 (trú tại thôn Tầng 1, xã P, huyện C) mang về cất giấu tại kho xưởng của DNTN S; tại khu đất T2 mua ở Thôn P, xã P; tại nhà bà Phạm Thị X; tại nhà ông Bùi Văn T4 và tại xưởng chế biến gỗ của Bùi Thanh T6 (đều thuộc xã P, huyện C), với mục đích để gỗ không có giấy tờ hợp pháp lẫn với gỗ có giấy tờ hợp pháp mua thanh lý, để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, sau đó bán kiếm lời. Trong ngày 18/12/2016, khi 02 xe ô tô do C và T6 đến kho xưởng của DNTN S bốc gỗ và chở gỗ đi bán, đến địa bàn phường N4, Thành phố T3 thì bị Công an Thành phố T3 phát hiện, bắt giữ 02 xe ô tô cùng toàn bộ số gỗ nghiến nhóm IIA không có giấy tờ nguồn gốc hợp pháp.

Trong quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T3 đã tiến hành khám xét trụ sở DNTN S và nơi ở của các bị cáo, phát hiện thu giữ và kê biên những phương tiện, đồ vật, tài liệu như sau:

+ *Về tổng khối lượng gỗ thu giữ:* Tổng số là 199,976 m^3 gỗ các loại (gỗ đã quy tròn; bao gồm có cả 11,775m^3 thu giữ ngày 18/12/2017 tại khu vực Đ5, thuộc tổ B, phường N4, Thành phố T3). Trong đó: gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA không dấu búa Kiểm lâm là 146,175 m^3; gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA có dấu búa Kiểm lâm là 13,744 m^3; gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA không dấu búa Kiểm lâm là 37,893 m^3; gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA có dấu búa Kiểm lâm là 2,164 m^3.

+ *Về tổng khối lượng gỗ kê biên:* Tổng số 118,778 m^3 gỗ các loại. Trong đó, gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA có dấu búa Kiểm lâm là 112,548 m^3; gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA có dấu búa Kiểm lâm là 6,230 m^3.

+ *Về phương tiện thu giữ:* 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, BKS 89C - 079.22 kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 005806 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật số 1182141 của xe; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, BKS 34C - 064.03, model FRONTIER 140 CS/TL kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 018933 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật số 0204424 của xe. Tạm giữ của Bùi Thanh T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 1134, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105 đã qua sử dụng và 01 sim Viettel. Tạm giữ của Bùi Thanh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1678, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel. Tạm giữ của Dương Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1586, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel. Tạm giữ của Bùi Thanh T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 1134, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105 đã qua sử dụng và 01 sim Viettel. Tạm giữ của Bùi Thanh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1678, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel. Tạm giữ của Dương Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1586, đã qua sử dụng và 01 sim Viettel.

+ *Về tài liệu liên quan thu giữ:* Các mảnh giấy được đánh ký hiệu: A1 đến A5, B1 đến B22, C1 đến C21, D1 đến D50, E1 đến E25, F1 đến F33, G1 đến G28, H1 đến H28, K1 đến K34. 06 tập hóa đơn chứng từ của DNTN S. 07 quyển hóa đơn giá trị gia tăng của DNTN S. 01 tập biên bản làm việc của Chi cục kiểm lâm T3 kèm theo biểu tổng hợp bảng kê lâm sản. 02 bộ hóa đơn số 0000697, 0000698 kèm theo bảng kê lâm sản. 01 Giấy chứng nhận đăng ký D nghiệp số 5000272933 và 01 Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký D nghiệp. Quyết định số 103/QĐ-CCKL của Chi cục kiểm lâm T3 ngày 11/3/2016 về việc công nhận D nghiệp chấp hành tốt quy định của Nhà nước về kinh D, chế biến lâm sản. 01 sổ khai báo nhập, xuất lâm sản của DNTN S ghi chép từ năm 2009 đến tháng 4/2010. 01 sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản năm 2009 của DNTN S. 01 sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản số 139/2012 của DNTN S và các tài liệu có liên quan khác. Tạm giữ của Hoàng Hải P: 01 bản sao báo cáo giải trình vụ việc 02 xe ô tô vận chuyển lâm sản, 02 bản sao hóa đơn giá trị gia tăng của DNTN S, 02 bản sao bản kê lâm sản của hóa đơn GTGT, 01 biên bản bàn giao lập ngày 23/2/2017, Quyết định số 03 ngày 21/3/2017, Thông tư 01 ngày 04/01/2012 của BNNPTNT, Quyết định số 80 ngày 10/3/2014 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, Quyết định số 44/QĐ-BNN ngày 01/6/2006, Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, bản sao biên bản kiểm tra lâm sản số 003657. Tạm giữ của Lê Quang Đ: 02 bộ hóa đơn, chứng từ có liên quan đến việc mua bán gỗ thanh lý với DNTN S và một số tài liệu liên quan khác. Tạm giữ của Dương T1 Khanh: 09 bộ hóa đơn, chứng từ có liên quan đến

việc mua bán gỗ thanh lý với DNTN S và một số tài liệu có liên quan khác. Tạm giữ của Trạm Kiểm lâm T10: 14 sổ nhật ký ca trực theo mẫu; 06 quyển sổ nhật ký ca trực viết tay, không theo mẫu; 09 sổ theo dõi vận chuyển lâm sản.

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ: 137.470.000đ *(Một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố T3, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 2 và khoản 3 Điều 175 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017)

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2 phạm tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*. Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T2 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/12/2016. Phạt tiền: 15.000.000 đồng. Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/12/2016. Phạt tiền: 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 175 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn C phạm tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*. Xử phạt bị cáo Dương Văn C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 26/12/2016 đến ngày 23/8/2017. Phạt tiền: 5.000.000 đồng.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Hải P phạm tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*. Xử phạt bị cáo Hoàng Hải P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 01/4/2017 đến ngày 23/8/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, lãi suất chậm thi hành tiền phạt và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/5/2018, các bị cáo Bùi Thanh T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xem xét lại vật chứng số lượng gỗ thu giữ, trả lại 02 xe ô tô và 01 điện thoại Iphone. Bị cáo Bùi Thanh T2 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại vật chứng số lượng gỗ đã thu giữ. Bị cáo Dương Văn C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/5/2018, bị cáo Hoàng Hải P kháng cáo toàn bộ bản án về tội danh và mức hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T, Dương Văn C, Hoàng Hải P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Đ diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, trong hạn luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo, người làm chứng tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm phù hợp với Bản kết luận điều tra và cáo trạng thấy: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T phạm tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Dương Văn C phạm tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Hoàng Hải P phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo T1, T2, C xuất trình tình tiết mới: Đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T3. Bị cáo Hoàng Hải P xuất trình 01 kỷ niệm chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, 01 Huy hiệu 30 năm tuổi đảng; 02 giấy khen về đã có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và bảo và phát triển rừng, 01 thẻ sỹ quan dự bị cấp bậc thiếu úy. Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo T1, T2, C; là tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Phòng. Do các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xuất trình được tình tiết mới, trong đó các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 2 và khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Thanh T2 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/12/2016. Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/12/2016.

Căn cứ: Điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt: Bị cáo Dương Văn C 08 (tám) tháng 01 (một) ngày tù. Trừ thời gian tạm giữ, tạm giam cho bị cáo từ ngày 26/12/2016 đến ngày 23/8/2017 là 08 (tám) tháng 01 (một) ngày. Bị cáo Dương Văn C đã chấp hành xong hình phạt tù. Ghi nhận các bị cáo T1, T2, C đã thi hành xong khoản tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Hoàng Hải P 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2017 đến ngày 23/8/2017.

Về vật chứng: Tại phiên tòa, tuy các bị cáo có xuất trình tài liệu chứng cứ mới để làm căn cứ xem xét lại nội dung kháng cáo về phần vật chứng số lượng gỗ bị thu giữ; trong đó bị cáo T1, T2 cho rằng có cả số lượng gỗ có giấy tờ, nguồn gốc

hợp pháp đã qua chế biến bị mất dấu búa nhưng vẫn bị thu giữ, không trả lại cho các bị cáo. Nhưng tại phiên tòa các bị cáo không đưa ra được căn cứ chứng minh số lượng gỗ có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp mua thanh lý đã qua chế biến để tại kho xưởng bị tịch thu là bao nhiêu khối; số lượng, chủng loại gỗ không phù hợp với tài liệu, giấy tờ thanh lý nguồn gốc do các bị cáo xuất trình; 02 chiếc xe ô tô bị thu giữ, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T2 đều thừa nhận là xe ô tô của bị cáo gửi tiền cho T6 và Mạnh đi mua hộ là tài sản chung của vợ chồng; chiếc điện thoại Iphone bị cáo T2 mục đích là dùng để giao dịch thực hiện hành vi phạm tội mua bán gỗ trái phép. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo T1, T2 về phần vật chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần quyết định xử lý vật chứng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, bản án quy kết và tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước tổng khối lượng gỗ quy tròn 163,253m^3 là không chính xác, vì tổng khối lượng gỗ quy tròn đã thu giữ, trừ đi khối lượng gỗ có nguồn gốc hợp pháp phải trả lại cho bị cáo, còn lại là khối lượng gỗ tịch thu (199,976m^3 – 36,728m^3 = 163,248m^3 quy tròn), đề nghị tính toán, chỉnh sửa cho chính xác.

Luật sư Đàm Quốc C1 bào chữa cho các bị cáo Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2, Dương Văn C, Hoàng Hải P đề nghị:

Bị cáo T2 chỉ thực hiện hành vi phạm tội đối với 02 xe gỗ 11,775 m^3 thu giữ ngày 18/12/2016. Còn việc giúp sức cho T1 giao dịch mua bán gỗ là tang vật đã bị thu giữ trong kho xưởng của DNTN S do T1 trực tiếp mua về để trong kho xưởng, chưa bán được, hành vi giúp sức cho T1 mua bán số gỗ đó chưa được thực hiện, nên hành vi này của T2 không cấu thành tội phạm. Cho nên, việc truy tố xét xử bị cáo T2 với tổng khối lượng gỗ là 163,253 m^3 theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị xét xử bị cáo T2 theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 với tổng khối lượng gỗ là 11,775 m^3, do bị cáo T2 xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới là biên lai thu tiền phạt và án phí, nên đề nghị xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Phòng, không phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 285 Bộ luật hình sự, mà hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội theo Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 1999 *"Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản nhà nước"*. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm chứng cứ mới là kỷ niệm chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Huy hiệu 30 năm tuổi đảng; giấy khen về đã có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và bảo và phát triển rừng, thẻ sỹ quan dự bị cấp bậc thiếu úy là tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đối với bị cáo Phòng. Các bị cáo T1, C xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới là biên lai thu tiền phạt và án phí là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo T1 với mức án 03 năm 06 tháng tù theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo C 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng.

Luật sư Nguyễn Hải Y bào chữa cho bị cáo Hoàng Hải P đề nghị: Không nhất trí bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Hải P về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả NGHIÊM trọng" vì không đủ căn cứ, cơ sở quy kết, không thoả mãn khách thể của Điều 285, nếu có phạm tội thì thuộc Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 1999 hoặc Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cơ quan điều tra chưa làm rõ 11,775m^3 trị giá 135.655.000 đồng trên 02 xe ô tô BKS 34C-064.03 và BKS 89C-079.22 có nguồn gốc ở đâu, nếu khai thác từ rừng tự nhiên thì rừng ở đâu, khi tài liệu xác định không thiệt hại ở rừng P, C còn các nơi khác chưa xác minh. Pháp luật quy định rừng là tài sản của Nhà nước nhưng chưa giám định gỗ trên 02 xe ô tô bị thu giữ trong vụ án do đâu mà có để xác định khách thể bị xâm hại. Cơ quan điều tra chưa xác định cụ thể số gỗ nào là hợp pháp, số gỗ nào không hợp pháp, gỗ nào đã qua chế biến mất dấu búa, gỗ nào chưa qua chế biến, nên thiếu căn cứ quy kết số lượng gỗ cần phải thu giữ để truy tố; cần xem xét lại số gỗ không có giấy tờ hợp pháp để xác định gỗ nào phải đóng dấu búa, gỗ nào không phải đóng dấu búa kiểm lâm. Vì vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có ý kiến tranh luận: Các bị cáo T1, T2, C nhất trí như ý kiến luật sư Đàm Quốc C1 đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt tù cho các bị cáo với mức án nhẹ nhất. Bị cáo Phòng có ý kiến nhất trí như ý kiến luật sư Nguyễn Hải Y và Đàm Quốc C1 xem xét lại tội danh và giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa, người làm chứng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T, Dương Văn C đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Khoảng 18 giờ ngày 18/12/2016, các bị cáo vận chuyển trái phép 11,755m^3 trên 02 xe ô tô BKS 34C-064.03 và BKS 89C- 079.22 không có nguồn gốc hợp pháp đem đi bán cho Lê Quang Đ, tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi bị bắt giữ bị cáo T1 mới viết hóa đơn, bảng kê để hợp lý hóa giấy tờ hợp pháp. Bị cáo Hoàng Hải P đều thừa nhận ngày 18/12/2016 là ca trực của bị cáo cùng với T7 và chịu trách nhiệm kiểm tra các phương tiện chở lâm sản qua lại, nhưng vì thiếu trách nhiệm nên khi dừng xe, bị cáo chỉ soi đèn pin kiểm tra không kỹ, đã cho xe chở gỗ đi qua Chốt Barie. Khoảng hơn 21 giờ, T1 mang hóa đơn, bảng kê để hợp lý hóa giấy tờ hợp pháp của 02 xe gỗ đến đưa cho bị cáo, thì bị cáo mới vào sổ theo dõi của Trạm, nhằm hợp lý hóa số gỗ không có giấy tờ hợp pháp đã đi qua Trạm dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

Ngoài ra bị cáo Bùi Thanh T2 đều thừa nhận tòan bộ số gỗ không có nguồn gốc hợp pháp đã bị thu giữ tại kho xưởng của DNTN S và các khu vực xung quanh (Theo bảng kê chi tiết) đều là gỗ do bị cáo tự bỏ tiền ra mua thu gom nhiều năm của nhiều người dân mang đến để tại xưởng, trà trộn với gỗ có nguồn gốc hợp pháp để bán kiếm lời. Bị cáo Bùi Thanh T đều thừa nhận giúp sức cho bị cáo T1 thực hiện việc giao dịch, liên hệ với người có nhu cầu mua gỗ tại các tỉnh để bán kiếm lời.

Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Từ năm 2011 đến ngày 18/12/2016, tại Thôn P và Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; bị cáo Bùi Thanh T và Bùi Thanh T2 thực hiện hành vi tàng trữ, mua bán gỗ trái phép, với tổng khối lượng 151,478 m^3 (tính quy tròn). Trong đó gỗ nhóm IIA là 124,970 m^3; gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII là 26,508 m^3. Ngày 18/12/2016, các bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T2, Dương Văn C đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 11,775m^3 gỗ nghiến (quy tròn) nhóm IIA đem đi bán, trên đường vận chuyển bị phát hiện thu giữ toàn bộ tang vật và phương tiện. Bị cáo Hoàng Hải P - là Kiểm lâm viên Hạt Kiểm lâm C trong khi thực hiện nhiệm vụ trực ca đã có hành vi thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, để cho 02 xe ô tô BKS 34C – 064.03 và BKS 89C – 079.22 do Dương Văn C và Bùi Thanh T6 vận chuyển trái phép 11,775m^3 gỗ nghiến nhóm IIA, trị giá 135.655.000 đồng đi qua Trạm kiểm lâm T10 vào hồi 18 giờ ngày 18/12/2018 gây ảnh hưởng đến uy tín và gây thiệt hại đến tài sản nhà nước.

Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn công cộng và các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo Hoàng Hải P đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản trong địa bàn huyện Chiêm Hoá nói riêng và các địa bàn khác nói chung, gây hậu quả nghiêm trọng và gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo T1 và T2 thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, lợi dụng danh nghĩa của DNTN S với ngành nghề kinh D chế biến lâm sản để mua bán, tàng trữ, vận chuyển lâm sản trái phép nhằm mục đích vụ lợi. Trong vụ án này, bị cáo Bùi Thanh T2 là người giữ vai trò chính với trách nhiệm là giám đốc DNTN S, trực tiếp bỏ tiền cá nhân ra mua gom gỗ các loại không có nguồn gốc giấy tờ hợp pháp của người dân trong xã mang đến cất giấu trong kho xưởng, trà trộn với gỗ có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp mua thanh lý của nhà nước và D nghiệp để nhằm mục đích bán kiếm lời. Đồng thời bị cáo T1 cũng là người đề xuất, khởi xướng với bị cáo T2 (là anh trai) vận chuyển 11,775 m^3 gỗ trên hai xe ô tô đem đi bán và là người trực tiếp liên hệ điện thoại cho bị cáo Phòng là kiểm lâm viên Trạm kiểm lâm T10 trực tại chốt kiểm tra để cho hai xe ô tô chở gỗ đi qua trạm an toàn, trót lọt; bị cáo cũng là người trực tiếp viết hóa đơn, bảng kê hợp lý hóa giấy tờ nguồn gốc khi 02 xe ô tô chở gỗ bị bắt ngày 18/12/2016.

Đối với bị cáo Bùi Thanh T là người giữ vai trò thứ hai trong vụ án, sau khi bị cáo T1 khởi xướng, đề xuất chở gỗ đi bán cho Lê Quang Đ, bị cáo đã tự lái 02 xe ô tô đến để sẵn ở kho xưởng DNTN S, bị cáo trực tiếp gọi L và D đi theo đến kho xưởng để bốc gỗ lên 02 xe ô tô và trực tiếp trả tiền công cho L và D 400.000đ. Sau khi 02 xe ô tô chở gỗ đi bán bị bắt giữ và nhận được điện thoại của T6, bị cáo đã đề xuất với T1 viết Hóa đơn, bảng kê số lượng, chủng loại gỗ để nhằm hợp lý hóa số gỗ bất hợp pháp trên hai xe ô tô đã bị bắt giữ với khối lượng 11,775 m^3. Ngoài ra bị cáo còn thống nhất với T1 thực hiện hành vi giúp sức cho bị cáo T1 giao dịch, mua bán số gỗ bất hợp pháp, không có giấy tờ, nguồn gốc do T1 mua gom của nhiều người dân trong xã mang đến cất giấu trong kho xưởng, trà trộn với gỗ có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp mua thanh lý để nhằm mục đích bán kiếm lời. Tuy nhiên, trên thực tế toàn bộ số gỗ đã bị thu giữ tại kho xưởng của DNTN S và các khu vực xung quanh (Theo bảng kê chi tiết) do bị cáo T1 mua về vẫn để trong kho xưởng, chưa thực hiện được hành vi mua bán thì bị phát hiện thu giữ.

Đối với bị cáo Dương Văn C là người giữ vai trò thấp nhất trong vụ án, là lái xe chở gỗ có nguồn gốc hợp pháp và gỗ không có nguồn gốc hợp pháp mang đi bán theo yêu cầu của T1 và là người trực tiếp được T1 đưa tiền mang theo nhằm chi phí, lo lót cho lực lượng kiểm tra, tuần tra trên các T9 giao thông; khi bán gỗ xong bị cáo C ghi chép gỗ vào sổ theo dõi, chụp ảnh, nhận tiền của người mua gỗ mang về đưa cho T1. Trong ngày 18/12/2018, bị cáo biết rõ là số gỗ vận chuyển trên hai xe ô tô là gỗ không có giấy tờ nguồn gốc hợp pháp nhưng bị cáo vẫn trực tiếp lái xe, vận chuyển gỗ, giúp sức cho T1, T2 mang đi bán cho Lê Quang Đ.

Đối với bị cáo Hoàng Hải P thực hiện hành vi phạm tội tích cực, ngay sau khi nhận được điện thoại của T1 sẽ có hai xe chở gỗ đi qua trạm do bị cáo trực tiếp chịu trách nhiệm kiểm tra lâm sản trong ca trực, nhưng vì thiếu trách nhiệm bị cáo thực hiện không đúng chức trách nhiệm vụ được giao trong việc kiểm tra, kiểm soát lâm sản, soi đèn pin kiểm tra qua loa, biết xe chở gỗ không có giấy tờ, nguồn gốc nhưng vẫn nói với T7 nhấc Barie cho xe chở gỗ đi qua. Sau đó bị cáo là người trực tiếp nhận giấy tờ, biên lai, bảng kê do T1 mang đến để trực tiếp ghi vào sổ theo dõi của Trạm, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc gỗ mà hai xe ô tô đã chở đi qua Trạm.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào động cơ mục đích phạm tội, khối lượng gỗ thu giữ, phương tiện phạm tội, đánh giá vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để xử phạt Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T về tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng" theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Dương Văn C về tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Hoàng Hải P về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại khoản 1 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Không chấp nhận đề nghị của luật sư Đàm Quốc C1 thay đổi tội danh, xét xử bị cáo Hoàng Hải P về tội *"Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm*

trọng đến tài sản nhà nước" theo Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề nghị của luật sư Nguyễn Hải Y hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố xét xử lại vụ án.

Tuy nhiên, theo bản án hình sự sơ thẩm quy kết: *"Từ năm 2011 đến ngày 18/12/2016, tại Thôn P và Thôn B xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Bùi Thanh T và Bùi Thanh T2 có hành vi buôn bán trái phép tổng số là 151,478 m³ (tính quy tròn). Trong đó: gỗ nhóm IIA là 124,970 m³; gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII là 26,508 m³"*. Nhưng bản án không nhận định, đánh giá tính chất ít nghiêm trọng của hành vi vận chuyển, mua bán khối lượng 26,508 m^3 gỗ thuộc nhóm III đến nhóm VIII, để áp dụng một mức hình phạt tù cho phù hợp với khối lượng, chủng loại gỗ và tính chất ít nghiêm trọng của hành vi; đồng thời bản án đã quy kết tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước tổng khối lượng gỗ quy tròn 163,253m^3 là không chính xác, thực tế khối lượng gỗ tịch thu, xử lý chỉ có 163,248m^3 quy tròn. Do đó bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo T1 06 năm tù, bị cáo T2 04 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. (Theo Nghị định 157/2013/NĐ - CP ngày11 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì khối lượng gỗ nhóm III đến nhóm VIII từ 20m^3 trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 với mức hình phạt từ 03 tháng đến 03 năm).

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giản đơn; trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình tham gia hoạt động sản xuất các bị cáo T2, T1 và gia đình đã có nhiều thành tích cá nhân, DNTN S tham gia tốt các hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương, được chính quyền địa phương tặng nhiều Giấy khen; bị cáo Hoàng Hải P có nhiều năm tham gia quân đội nhân dân Việt Nam với cấp bậc Trung úy và là người đang trực tiếp thờ cúng liệt sĩ và có nhiều thành tích trong công tác. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thanh T2 xuất trình Biên lai thu tiền nộp phạt và án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo Bùi Thanh T xuất trình Biên lai thu tiền nộp phạt và án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo Dương Văn C xuất trình Biên lai thu tiền nộp phạt và án phí với số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo Hoàng Hải P xuất trình 01 kỷ niệm chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, 01 Huy hiệu 30 năm tuổi đảng; 02 giấy khen về đã có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và bảo và phát triển rừng, 01 thẻ sỹ quan dự bị cấp bậc thiếu úy.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo T1, T2; là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo C; là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Hoàng Hải P.

Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt tù cho các bị cáo, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về vật chứng: Tại phiên tòa các bị cáo xuất trình một số tài liệu chứng minh cho số gỗ có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp do mua thanh lý, đã sơ chế bị mất dấu búa để tại kho xưởng, bị thu giữ, đề nghị được trả lại. Tài liệu gồm: Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 09/4/2010 về việc cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên diện tích rừng đã được chuyển mục đích sử dụng để xây dựng công trình Quốc lộ 279, đoạn qua địa bàn xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (kèm theo biểu chi tiết định giá gỗ tròn nhóm II, gỗ xẻ nhóm II, biểu tổng hợp sản lượng, số cây khai thác tận dụng gỗ để xây dựng công trình quốc lộ 279); 32 Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không có người nhận năm 2012 và 2013 của của Hạt Kiểm lâm huyện C; 05 Quyết định Buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 19/6/2012, 12/9/2012, 08/3/2013,15/3/2013, 18/6/2013 của Hạt kiểm lâm huyện C; 01 Phiếu thu ngày 07/7/2017 của Hạt Kiểm lâm huyện C, người nộp tiền Bùi Văn T4 nộp 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); 01 Phiếu thu ngày 11/7/2017 của Hạt Kiểm lâm huyện C người nộp tiền Bùi Văn T4 nộp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); 01 Phiếu thu ngày 21/7/2017 của Hạt Kiểm lâm huyện C, người nộp tiền Bùi Văn T4 nộp 43.975.000 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000007 ngày 07/02/2012, kèm theo lý lịch gỗ xẻ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000008 ngày 10/02/2012, kèm theo lý lịch gỗ xẻ; Biểu thẩm định giá khởi điểm bán gỗ cây đứng giải tỏa xây dựng công trình: đường Quốc lộ 279 đoạn đi qua địa bàn xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Qua xem xét các tài liệu thấy một số chủng loại gỗ nghiến, gỗ muồng, gỗ xoan mộc có trong tổng khối lượng gỗ xác định là không có nguồn gốc giấy tờ hợp pháp đã bị thu giữ, không phù hợp với khối lượng gỗ (muồng, xoan mộc) có nguồn gốc hợp pháp được phép khai thác tại đường 279 thuộc địa bàn xã P, ghi trong giấy tờ, tài liệu do bị cáo xuất trình. Số lượng gỗ nghiến mua thanh lý ghi trong giấy tờ, tài liệu do bị cáo xuất trình, không có căn cứ xác định gỗ để ở trong kho xưởng, khối lượng gỗ đã qua sơ chế mất dấu búa bị thu giữ. Đối với 02 chiếc xe ô tô BKS 34C- 064.03 và xe BKS 89C – 079.22, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo T2 tại cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ vụ án có căn cứ xác định: Đây là xe ô tô của gia đình vợ chồng bị cáo T2, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tịch thu ½ giá trị mỗi chiếc xe; 01 chiếc điện thoại Iphone của bị cáo T2 sử dụng vào việc phạm tội, bản án đã tuyên tịch thu xung quỹ nhà nước là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T. Về khối lượng gỗ quy tròn bị tịch thu sung quỹ nhà nước bản án

tuyên 163,253m^3 là không chính xác, cần chỉnh sửa lại cho đúng với thực tế khối lượng gỗ tịch thu sung quỹ nhà nước là 163,248m^3 (quy tròn).

[4] Ghi nhận các bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T, Dương Văn C đã thi hành xong khoản tiền phạt và án phí theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Về án phí: Các bị cáo Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2, Dương Văn C, Hoàng Hải P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T, Dương Văn C, Hoàng Hải P, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố T3, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T2 05 (năm) năm tù, về tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/12/2016. Ghi nhận bị cáo Bùi ThanhT1 đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 15.400.000đ *(Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số 0000438 ngày 15/5/2018 và Biên lai thu tiền số 0000452 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T3, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho bị cáo T1 số tiền nộp thừa là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, về tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/12/2016. Ghi nhận bị cáo Bùi Thanh T đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 10.400.000đ *(Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số 0000437 ngày 15/5/2018 và Biên lai thu tiền số 0000451 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T3, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho bị cáo T2 số tiền nộp thừa là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn C 08 (tám) tháng 01 (một) ngày tù, về tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*. Khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo từ ngày 26/12/2016 đến ngày 23/8/2017 là 08 (tám) tháng 01 (một) ngày. (Bị cáo C đã chấp hành xong hình phạt tù). Ghi nhận bị cáo Dương Văn C đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 5.400.000đ *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số 0000439 ngày 15/5/2018 và Biên lai thu tiền số 0000450 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T3, tỉnh

Tuyên Quang. Trả lại cho bị cáo C số tiền nộp thừa là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Hải P 08 (tám) tháng tù, về tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giam từ ngày 01/4/2017 đến ngày 23/8/2017.

2. Không chấp nhận nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh T2 và Bùi Thanh T về phần vật chứng đã thu giữ như sau:

Căn cứ vào: Điều 47 Bộ luật Hình năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu của bị cáo Bùi Thanh T để sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO BKS 34C-064.03 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký số 018933 ngày 14/5/2014 và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật số 0204424 của xe; ½ giá trị 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA BKS 89C – 079.22 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký số 005806 ngày 18/5/2015 và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật số 1182141 của xe. Tịch thu của bị cáo Bùi Thanh T để sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model A1678, đã qua sử dụng, tiêu huỷ 01 sim Viettel kèm theo.

Sửa quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng (khối lượng gỗ bị tịch thu sung quỹ nhà nước) như sau:

- Tịch thu của Bùi Thanh T và Bùi Thanh T2 để sung công quỹ Nhà nước tổng khối lượng gỗ 163,248m^3 (quy tròn) các loại gỗ không có giấy tờ hợp pháp, trong đó: gỗ nhóm IIA là 136,745m^3; gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII là 26,508m^3. Cụ thể: Gỗ nghiến (gỗ tròn): 8,537m^3; gỗ nghiến (gỗ xẻ): 75,308 m^3; gỗ trai lý (gỗ xẻ): 4,822m^3; gỗ kim giao bắc (gỗ xẻ): 1,836 m^3; gỗ mỡ (gỗ xẻ): 3,537m^3 - 1,957m^3 = 1,580m^3; gỗ muồng (gỗ xẻ): 0,783 m^3; gỗ vảy ốc (gỗ xẻ): 2,136 m^3; gỗ xoan mộc (gỗ xẻ): 10,233 m^3; trong tổng số 199,976m^3 gỗ các loại (tính quy tròn) đã thu giữ trong vụ án.

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng (khối lượng gỗ trả lại cho DNTN S và khối lượng gỗ kê biên) như sau:

- Trả lại cho DNTN S: 36,728m^3 (tính quy tròn) gồm: Gỗ nghiến (gỗ xẻ): 11,970m^3; Gỗ nghiến (gỗ tròn): 1,049m^3; Gỗ chò chỉ (gỗ xẻ): 1,895m^3; Gỗ trai lý (gỗ xẻ): 1,251m^3; Gỗ dâu (gỗ xẻ): 1,614m^3; Gỗ giổi (gỗ xẻ): 0,295 m^3; Gỗ mỡ (gỗ xẻ): 1,957m^3; Gỗ xoan mộc (gỗ xẻ): 0,669m^3; Gỗ phay vi (gỗ xẻ không dấu búa Kiểm lâm): 2,039m^3 ; trong tổng số 199,976m^3 gỗ các loại (tính quy tròn) đã thu giữ trong vụ án.

- Căn cứ vào Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Huỷ các Lệnh kê biên số 01 và 02 ngày 30/12/2016 và Lệnh kê biên số 01 ngày 27/03/2017. Giao trả cho DNTN S tổng số 118,778m^3 gỗ các loại, trong đó: gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA có dấu búa kiểm lâm là 112,548m^3; gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIA có dấu búa kiểm lâm là 6,230m^3.

(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T3 ngày 29/01/2018 và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố T3 và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T3 ngày 06/4/2018).

3. Về án phí: Các bị cáo Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2, Dương Văn C, Hoàng Hải P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (31/8/2018).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TA+VKS +CA Thành phố T3;
- Chi cục THADS Thành phố T3;
- Các bị cáo; Luật sư;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Minh Hùng